

Bản án số: 289/2019/HSPT

Ngày 24-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phụng.
- *Các thẩm phán:* 1. Ông Nguyễn Duy Thuần.
2. Ông Nguyễn Tấn Đức.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 285/2019/TLPT-HS ngày 28 tháng 8 năm 2019, đối với các bị cáo Vũ Thị Bích L, Võ Văn T, Huỳnh Thị T1, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 186/2019/HS-ST, ngày 19/7/2019, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: Vũ Thị Bích L; sinh ngày 26 tháng 01 năm 1981; tại tỉnh: Thái Bình; nơi cư trú: Phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 9/12; con ông: Vũ Văn T3 và bà H2 Thị T4 (Đã chết); bị cáo có chồng là Văn Tiến T5 và 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2018 đến ngày 21/11/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, cho gia đình bảo lãnh đến nay, vắng mặt.

2. Họ và tên: Võ Văn T; sinh ngày 18 tháng 5 năm 1992; tại tỉnh: Nghệ An; nơi cư trú: Phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Trình dược viên; trình độ học vấn: 12/12; con ông Võ Văn T6 và bà Hồ Thị B2; bị cáo có vợ là Huỳnh Thị T1 và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2018 đến ngày 21/11/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, cho gia đình bảo lãnh đến nay, vắng mặt.

3. Họ và tên: Huỳnh Thị T1; sinh ngày 19 tháng 5 năm 1992; tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Trình dược viên; trình độ học vấn: 12/12; con ông Huỳnh Cao T7 và bà Đào Thị Mỹ L1; bị cáo có chồng là Võ Văn T và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/10/2018 đến nay, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Thị T1 ở nhà nuôi con nhỏ không có việc làm nên nảy sinh ý định mua máy khắc dấu để khắc con dấu tại nhà cho những người có nhu cầu, T1 đã bàn bạc với chồng là Võ Văn T thì T đồng ý. Sau đó, T đã lên mạng Internet tìm nơi bán máy khắc dấu để mua đồng thời tìm hiểu về cách khắc dấu. Lúc này, T thấy việc sử dụng máy khắc dấu polymer vừa rẻ và dễ sử dụng nên đã đặt mua 01 chiếc máy khắc dấu Polymer cùng các vật liệu trên mạng internet để sử dụng cho việc khắc dấu với tổng số tiền là 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm ngàn đồng). Sau khi đã mua được máy khắc dấu và thực hành nhiều lần thì T và T1 đã thành thạo việc làm con dấu bằng Polymer. Sau đó T1 và T đăng lên trang Facebook cá nhân của mình để tìm người có nhu cầu khắc dấu. Khi nhận yêu cầu khắc dấu của mọi người thì T và T1 chủ yếu khắc các con dấu họ tên, số điện thoại và các con dấu vuông. Việc kinh doanh khắc con dấu này Huỳnh Thị T1 và Võ Văn T không đăng ký giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian này, Vũ Thị Bích L hợp tác với anh Huỳnh Văn H cùng nhau làm nghề kinh doanh mua bán xe mô tô cũ tại địa chỉ phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. H có nhiệm vụ đi thu mua các xe mô tô cũ về sửa chữa rồi bán lại cho những người khác. Còn Vũ Thị Bích L có nhiệm vụ làm các thủ tục rút hồ sơ, chuyển vùng, làm thủ tục công chứng mua bán và hoàn chỉnh hồ sơ để sang tên cho người mua. Đến đầu tháng 9/2018, L thấy việc làm hợp đồng mua bán tại các Văn phòng Công chứng để chứng thực và việc chỉnh sửa các thông tin cá nhân của người mua, người bán mất rất nhiều thời gian. Đồng thời việc đi lại để xác nhận thủ tục mua bán tại các Cơ quan, tổ chức nhà nước trong quá trình làm thủ tục sang tên, di chuyển cũng mất nhiều thời gian. Vì vậy, L nảy sinh ý định làm giả các con dấu của các cơ quan, tổ chức và các văn phòng công chứng mục đích sử dụng để làm giả các hồ sơ, tài liệu nhằm hợp thức đầy đủ hồ sơ mua bán, sang tên một cách nhanh chóng để đến Phòng Cảnh sát giao thông làm thủ tục đăng ký, sang tên. L đã lên mạng xã hội “Facebook” tìm xem có người nào khắc con dấu để liên hệ làm các con dấu giả. Khi thấy T1 đăng quảng cáo làm con dấu thì L đã liên hệ với T1 qua tin nhắn Messenger của mạng xã hội Facebook và trao đổi nội dung cần làm một số con dấu trong đó có dấu tên, dấu chức danh và con dấu của cơ quan, tổ chức thì T1 đồng ý làm cho L và thỏa thuận tiền công làm một con dấu tròn là 400.000 đồng còn dấu tên, dấu chức danh, dấu đã thu tiền, dấu số thứ tự... là 60.000 đồng. L và T1 thống nhất khi L cần làm dấu nào thì sẽ chụp hình mẫu con dấu rồi gửi qua tin nhắn

Messenger trong Facebook cho T1. Sau khi bàn bạc thống nhất với L xong thì T1 trao đổi với T và cùng T làm các con dấu theo yêu cầu của L. Sau đó L liên tục yêu cầu T1 làm nhiều con dấu giả của các cơ quan tổ chức, biết việc làm con dấu giả của các cơ quan tổ chức là vi phạm pháp luật nên T1 có hỏi L mục đích làm các con dấu giả để làm gì thì L nói dối T1 là L làm tại phòng Công chứng nên cần các con dấu để đóng vào các hồ sơ chỉnh sửa thông tin. Do tin tưởng L nên T1 đồng ý làm các con dấu giả cho L. Sau đó L chụp các mẫu dấu của các cơ quan tổ chức rồi gửi cho T1. Dựa trên các mẫu dấu mà L đã gửi thì T cùng T1 sử dụng máy tính để bàn nhả hiệu D@DELI màu tím đen có màn hình nhả hiệu LG màu đen của T để thiết kế lại các mẫu con dấu theo yêu cầu của L, sau đó T copy mẫu dấu đã thiết kế vào trong USB nhãn hiệu Sandik 8Gb màu đen mang ra các tiệm photocopy để in mẫu ra, rồi sử dụng máy khắc dấu Polymer để làm các con dấu giả cho L. Quá trình trao đổi liên lạc thì T1 sử dụng chiếc điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 5, màu trắng còn L sử dụng chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo F9, màu đỏ được cài đặt ứng dụng tin nhắn Messenger để làm phương tiện liên lạc với nhau.

Với cách thức như trên, từ ngày 08/10/2018 đến ngày 17/10/2018 Huỳnh Thị T1 và Võ Văn T đã khắc cho L tổng cộng 10 con dấu giả của các cơ quan, tổ chức cụ thể như sau:

- Ngày 08/10/2018 Vũ Thị Bích L gửi hình và thuê T1 làm 01 con dấu giả của “Văn phòng công chức Đỗ Xuân B3”, 01 con dấu “Công chứng viên BÙI THU H1” và 01 con dấu tên “Bùi Thu H1”.

- Ngày 09/10/2018 Vũ Thị Bích L tiếp tục nhắn tin rồi gửi hình mẫu các con dấu cho T1 thuê T1 làm giả các con dấu gồm: 01 con dấu của “Ủy ban nhân dân phường X” cùng 01 con dấu chức danh “PHÓ CHỦ TỊCH” và dấu tên “Đỗ Thị L2”; 01 con dấu của “Phòng Tư pháp huyện Đ”; 01 con dấu tròn của “Văn phòng Công chứng Đàm Mạnh H2” cùng 01 dấu tên “Đàm Mạnh H2”; 01 con dấu của “Ủy ban nhân dân phường T2” cùng 01 con dấu “Phó chủ tịch NGUYỄN VĂN K”;

- Ngày 10/10/2018 L thuê T1 làm 01 con dấu giả của “Đài truyền thanh truyền hình thành phố B” cùng dấu tên “Nguyễn Thị Kim N”;

- Ngày 11/10/2018 L thuê T1 làm 01 con dấu giả của “Ủy ban nhân dân thị trấn T8” cùng 01 con dấu “Phó chủ tịch PHẠM NGỌC T9”

- Ngày 13/10/2018 L thuê T1 làm 01 con dấu giả của “Văn phòng Công chứng Đ1” và 01 con dấu “Công chứng viên - Trần Thị M”, con dấu tên “Trần Thị M”;

- Ngày 15/10/2018, L thuê trình làm 01 con dấu giả của: “Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Đ2” và 01 con dấu “Đã thu tiền –Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Đ2”;

- Ngày 17/10/2018 L thuê T1 làm 01 con dấu giả của “Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Việt Nam V” cùng 01 con dấu “Bạch Thái V – Trưởng phòng quản lý hồ sơ”.

Sau khi làm xong dấu cho L thì T1 là người đi giao các con dấu cho L và trực tiếp nhận tiền từ L. Khi làm xong các con dấu giả trên, L đưa về cất giấu trong nhà để

sử dụng. Tổng cộng L đã trả cho T1 số tiền làm các con dấu giả là 4.320.000 đồng (Bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

Vào ngày 26/9/2018, anh Nguyễn Hùng Đ3 mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda - SH Mode, biển số: 49F1-29270 của chị Ngô Thị T1, sinh năm: 1977, trú tại: Huyện Đ4, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi mua và nhận được xe thì anh Đ3 đã nhờ Vũ Thị Bích L làm thủ tục chuyển vùng chiếc xe mô tô trên về tỉnh Đắk Lắk và nói với anh Huỳnh Văn H và Vũ Thị Bích L tìm người bán cho anh Đ3 chiếc xe mô tô trên. Sau khi bán được anh Đ3 sẽ trả tiền hoa hồng cho L và anh H. Đến ngày 30/9/2018, anh Đặng Văn D thỏa thuận với L để mua lại chiếc xe mô tô trên của anh Đ3 với giá là: 53.500.000 đồng (Năm mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng). Anh Đ3 thỏa thuận là sẽ trả tiền hoa hồng cho L là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng). Anh D trả trước cho L số tiền 48.500.000 đồng (Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) và L giao chiếc xe mô tô cho anh D và hẹn khi làm xong thủ tục sang tên sẽ thanh toán số tiền còn lại. Số tiền 48.500.000 đồng (Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) này L đã đưa hết cho anh Đ3 để anh Đ3 tiến hành rút hồ sơ gốc của chiếc xe trên giao cho L. Ngày 17/10/2018, sau khi nhận được toàn bộ hồ sơ gốc xe mô tô trên từ huyện Đ4, tỉnh Lâm Đồng chuyển qua, anh Đ3 đã đưa hồ sơ cho Vũ Thị Bích L để L làm thủ tục sang tên cho anh D. Lúc này, do đã làm được con dấu giả “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐỒ XUÂN B3” và con dấu tên của Công chứng viên Bùi Thu H1 nên L đã đến một tiệm Photocopy trong thành phố B, tỉnh Đắk Lắk rồi thuê đánh 01 hợp đồng mua bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 49F1-292.70 giữa anh Nguyễn Hùng Đ3 bán cho anh Đặng Văn D. Sau đó, L tự ký vào phần người mua và người bán đồng thời giả chữ ký của Công chứng viên Bùi Thu H1 để ký vào hợp đồng mua bán giữa anh Đ3 và anh D, rồi lấy dấu giả của “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐỒ XUÂN B3” đóng vào trang cuối (trang thứ 3) của hợp đồng, đồng thời sử dụng con dấu số để sắp xếp số thứ tự con số 07079 và số 10 đóng vào vị trí số, quyền số của hợp đồng. Sau khi làm giả xong hồ sơ mua bán giữa anh Đ3 và anh D thông báo cho anh D biết và anh D trả số tiền còn lại cho L là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), L đưa số tiền này cho anh Đ3 nhưng chưa nhận tiền hoa hồng. Sau đó, L mang toàn bộ hồ sơ đến nộp cho bộ phận đăng ký thuộc Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk để tiến hành làm thủ tục sang tên cho anh D. Sau khi kiểm tra hồ sơ của L, cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông thấy trong hợp đồng công chứng tại Điều 1 sai lệch ngày tháng năm cấp giấy đăng ký số 014107 nên đã trả lại hồ sơ yêu cầu L đến phòng Công chứng Đồ Xuân B3 để chỉnh sửa lại. Thấy vậy L đã mang hợp đồng về nhà tự điều chỉnh ngày tháng năm và tiếp tục giả chữ ký của “CÔNG CHỨNG VIÊN Bùi Thu H1” để ký vào trong hợp đồng mua bán rồi sử dụng dấu tròn của “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐỒ XUÂN B3” đóng dấu treo vào phần chỉnh sửa của hợp đồng mua bán. Sau đó L mang hợp đồng lên nộp lại tại Phòng Cảnh sát giao thông để làm thủ tục sang tên chiếc xe mô tô trên cho anh D thì bị cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk mời làm việc vì nghi vấn hợp đồng mua bán giữa anh Đ3 và anh D là giả. Sau đó phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk đã báo nội dung vụ việc và chuyển toàn bộ hồ sơ đăng ký của Vũ Thị Bích L cùng 01 xe mô tô nhãn hiệu SH mode màu sơn đỏ - đen, không có biển kiểm soát cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình làm việc, Cơ quan điều tra đã thu giữ được của Vũ Thị Bích L 01 con dấu tròn của “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐỒ XUÂN B3 - S.Đ.K.H.Đ 2916-D.N.T.N. TP. B-T.ĐAKLAK” cùng 01 con dấu số màu xanh nhãn hiệu COLOP mini-folio S126; Thu giữ của Huỳnh Thị T1 01 con dấu tròn màu đỏ, hình vuông, kích thước (04x04) cm có in chữ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam V; 01 con dấu tên màu xanh dương hình chữ nhật, kích thước (04 x 02) cm, có in chữ Bạch Thái V Trưởng phòng quản lý hồ sơ; 01 con dấu tên màu đỏ, hình chữ nhật, kích thước (05 x 03) cm có in chữ N hàng TMCP đầu tư và phát triển Đắk Lắk – phòng giao dịch Đ2 “ĐÃ THU TIỀN” là con dấu Vũ Thị Bích L đặt T1 và T làm nhưng chưa lấy.

Tiến hành khám xét tại nhà ở của Vũ Thị Bích L thu giữ được:

- 01 (một) con dấu tròn của UBND phường X – thành phố B; 01 (một) con dấu tròn của UBND phường T2- thành phố B; 01 (một) con dấu tròn của UBND thị trấn T8, huyện K1; 01 (một) con dấu tròn của Phòng Tư pháp huyện Đ; 01 (một) con dấu tròn của Đài Truyền thanh - Truyền hình thành phố B; 01 (một) con dấu tròn của Văn phòng công chứng Đ1 tại thành phố B; 01 (một) con dấu tròn của Văn phòng công chứng Đàm Mạnh H2 tại huyện K2; 01 (một) con dấu tròn của N hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk phòng giao dịch Đ2; 01 (một) con dấu chức danh “PHÓ CHỦ TỊCH”; 01 con dấu “Phó chủ tịch PHẠM NGỌC T9; 01 (một) con dấu “Phó chủ tịch NGUYỄN VĂN K”; 01 (một) con dấu “Công chứng viên TRẦN THỊ M”; 01 (một) con dấu “CÔNG CHỨNG VIÊN Bùi Thu H1”; 05 (Năm) con dấu tên: “BUI THU H1; TRẦN THỊ M; ĐÀM MẠNH H2; NGUYỄN THỊ KIM N; ĐỖ THỊ L2”.

- 01 con dấu hình chữ nhật màu đỏ thể hiện con dấu của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Đắk Lắk, phòng giao dịch Đ2 “ĐÃ THU TIỀN”;

- 11 bộ hồ sơ gốc xe mô tô;

Ngày 24/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 351 và số 355 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk giám định chữ ký và con dấu đối với các tài liệu và con dấu đã thu giữ được. Tại bản kết luận giám định số 930/PC09 ngày 25/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự kết luận:

- Chữ ký mang tên Bùi Thu H1 dưới mục “CÔNG CHỨNG VIÊN” ở tờ giấy thứ 3 trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Bùi Thu H1 trong tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, là không phải do một người ký ra;

- Hình dấu tròn ở giữa có nội dung “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐỒ XUÂN B3” dưới mục “CÔNG CHỨNG VIÊN” ở tờ giấy thứ 3 trong các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu có nội dung “CÔNG CHỨNG VIÊN - Bùi Thu H1” dưới mục “CÔNG CHỨNG VIÊN” ở tờ giấy thứ 3 trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 so với hình dấu có cùng nội dung trong tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu có nội dung “Bùi Thu H1” tại dòng in thứ 5 tính từ trên xuống ở tờ giấy thứ 3 trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 so với hình dấu có cùng nội dung trong tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu số có nội dung “07079” và “10” tại dòng in thứ 27 tính từ trên xuống trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 so với hình dấu có cùng nội dung trong tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn ở giữa có nội dung “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐỒ XUÂN B3” dưới mục “CÔNG CHỨNG VIÊN” ở tờ giấy thứ 3 trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2, là do con dấu kí hiệu M3 đóng ra.

- Hình dấu có nội dung “CÔNG CHỨNG VIÊN Bùi Thu H1” dưới mục “CÔNG CHỨNG VIÊN” ở tờ giấy thứ 3 trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2, là do con dấu kí hiệu M2 đóng ra.

- Hình dấu số có nội dung “07079” và “10” tại dòng in thứ 27 tính từ trên xuống trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2, là do con dấu kí hiệu M4 đóng ra.

Hình dấu có nội dung “Bùi Thu H1” tại dòng in thứ 5 tính từ trên xuống ở tờ giấy thứ 3 trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2, là do con dấu kí hiệu M5 đóng ra.

Tại bản kết luận giám định số 948/PC09 ngày 26/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự kết luận:

1. Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG X THÀNH PHỐ B T. ĐAK LAK” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG X TP. B T. ĐẮK LẮK” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

2. Hình dấu tròn có nội dung “NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHANH ĐẮK LẮK PHÒNG GIAO DỊCH Đ2 ★ TP. B T. ĐẮK LẮK ★ M.Đ.Đ.K.D:00238 – C.T.C.P” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có nội dung “★NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐẮK LẮK PHÒNG GIAO DỊCH Đ2 ★ TP. B - T. ĐAK LAK ★ M.Đ.Đ.K.D:00238 - C.T.C.P” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

3. Hình dấu tròn có nội dung “★U.B.N.D THỊ TRẦN T8 - H. K1 - T. ĐẮK LẮK” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có nội dung “★U.B.N.D THỊ TRẦN T8 H. K1 T. ĐẮK LẮK” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

4. Hình dấu tròn có nội dung “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐÀM MẠNH H2 ★ H K2 - T. ĐẮK LẮK ★ S.Đ.K.H.Đ:09 - C.T.H.D” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có nội dung “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG

ĐÀM MẠNH H2 ★ H. K2 - T. ĐẮK LẮK ★ S.Đ.K.H.Đ-09 - C.T.H.D” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4, là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

5. Hình dấu tròn có nội dung “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG Đ1 ★ TP B - T. ĐẮK LẮK ★ S.Đ K H Đ 01 - D N T N” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có nội dung “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG Đ1” ★ TP. B-T. ĐẮK LẮK ★ S.Đ.K.H.Đ:06 - T.P - C.T.H.D” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5, là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

6. Hình dấu tròn có nội dung “★CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ★ TP B - T. ĐẮK LẮK - ĐÀI TRUYỀN THANH TRUYỀN HÌNH” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có nội dung “★CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM ★ TP. B - T. ĐAK LAK - ĐÀI TRUYỀN THANH TRUYỀN HÌNH” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M6, là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

7. Hình dấu tròn có nội dung “★U.B.N.D PHƯỜNG T2 TP. B T. ĐẮK LẮK” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có nội dung “★U.B.N.D PHƯỜNG T2 TP. B T. ĐẮK LẮK” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M7, là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

8. Hình dấu tròn có nội dung “★CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM ★ H. Đ - T. ĐẮK LẮK - PHÒNG TƯ PHÁP” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có nội dung “★CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM ★ H. Đ - T. ĐẮK LẮK - PHÒNG TƯ PHÁP” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M8, là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản kết luận giám định số 344/PC09 ngày 26/4/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY TÀI CHÍNH TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN NGÂN HÀNG VIỆT NAM V ★ MSDN 0102180545 CTTNHH ★ TP HO CHI MINH” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY TÀI CHÍNH TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN NGÂN HÀNG VIỆT NAM V ★ M.S.D.N: 0102180545 C.T.T.N.H.H ★ – TP. HỒ CHÍ MINH” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 186/2019/HS-ST, ngày 19/7/2019, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị Bích L phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”;

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Bích L 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2018 đến ngày 21/11/2018;

Áp dụng khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; tuyên phạt bị cáo Vũ Thị Bích L số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn T phạm tội “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức”;

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2018 đến ngày 21/11/2018;

Áp dụng khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; tuyên phạt bị cáo Võ Văn T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị T1 phạm tội “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức”;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị T1 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án;

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Ngày 23/7/2019, các bị cáo Vũ Thị Bích L, Võ Văn T, Huỳnh Thị T1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Vũ Thị Bích L, Võ Văn T, Huỳnh Thị T1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phần tranh tụng thay mặt Hội đồng xét xử - Chủ tọa trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo.

Tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Vũ Thị Bích L về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”; các bị cáo Võ Văn T, Huỳnh Thị T1 về tội “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin

hưởng án treo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 186/2019/HS-ST, ngày 19/7/2019, của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị cáo Võ Văn T vắng mặt không có lý do, các bị cáo Vũ Thị Bích L, Huỳnh Thị T1 có đơn xin hoãn phiên tòa. Tuy nhiên bị cáo Vũ Thị Bích L, Huỳnh Thị T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ xác định các bị cáo xin hoãn phiên tòa là vì lý do bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan, sự vắng mặt của các bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các bị cáo. Hội đồng xét xử hội ý và quyết định xét xử vắng mặt các bị cáo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Từ ngày 08/10/2018 đến ngày 17/10/2018 bị cáo Vũ Thị Bích L đã thuê các bị cáo Huỳnh Thị T1, Võ Văn T làm giả 10 con dấu tròn của các cơ quan, tổ chức gồm: 01 con dấu tròn của UBND phường X, thành phố B; 01 con dấu tròn của UBND phường T2, thành phố B; 01 con dấu tròn của UBND thị trấn T8, huyện K1; 01 con dấu tròn của Phòng tư pháp huyện Đ; 01 con dấu tròn của Đài truyền thanh- Truyền hình thành phố B; 01 con dấu tròn của Văn phòng công chứng Đ1 tại thành phố B; 01 con dấu tròn của Văn phòng công chứng Đỗ Xuân B3 tại thành phố B; 01 con dấu tròn của Văn phòng công chứng Đàm Mạnh H2 tại huyện K2; 01 con dấu tròn của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk phòng giao dịch Đ2; 01 con dấu tròn của công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam V; một số dấu chức danh và dấu tên có liên quan đến các con dấu nói trên. Sau khi có được con dấu giả, Vũ Thị Bích L đã sử dụng con dấu giả của Văn phòng công chứng Đỗ Xuân B3 để tự công chứng hợp đồng mua bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode, biển kiểm soát 49F1 - 292.70 giữa anh Nguyễn Hùng Đ3 và anh Đặng Văn D, sau đó bị cáo mang đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk để làm thủ tục sang tên đăng ký xe mô tô trên thì bị phát hiện. Do đó, tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Vũ Thị Bích L về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”; xét xử các bị cáo Võ Văn T, Huỳnh Thị T1 về tội “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức”, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên cần phải áp dụng đối với các bị cáo mức hình phạt tương xứng, cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện mình trở thành người công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, nhằm trừng trị người phạm tội; mặt khác phát huy tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung. Nhận thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 186/2019/HS-ST, ngày 19/7/2019, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Vũ Thị Bích L, Võ Văn T và Huỳnh Thị T1; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 186/2019/HS-ST, ngày 19/7/2019, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Bích L 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2018 đến ngày 21/11/2018;

Áp dụng khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; tuyên phạt bị cáo Vũ Thị Bích L số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo

được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2018 đến ngày 21/11/2018;

Áp dụng khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; tuyên phạt bị cáo Võ Văn T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị T1 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án;

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Vũ Thị Bích L, Võ Văn T, Huỳnh Thị T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND Tp Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp B;
- T.H.A.HS Công an Tp B;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Phụng